| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TRÀ VINH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 31/2025/QĐST - DS | *TP. Trà Vinh, ngày 19 tháng 5 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 366/2024/TLST-DS ngày 15/11/2024.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ trụ sở: 194, T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C số E V, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 766/BIDV-TTXLN2, ngày 09/4/2024:*

1. Ông **Nguyễn Văn H** – Chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ.

2. Ông **Lê Thanh H1** - Chuyên viên Phòng KHCN – Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Phan Văn K**, sinh năm 1976

2. Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông K:* bà Lê Thị M, sinh năm 1978 theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ do ông Nguyễn Văn H, ông Lê Thanh H1 làm đại diện và bà Lê Thị M, ông Phan Văn K thỏa thuận thống nhất như sau:

2.1. Ông Phan Văn K, bà Lê Thị M đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 27.593.400.099 đồng (Hai mươi bảy tỷ năm trăm chín mươi ba triệu bốn trăm nghìn không trăm chín mươi chín đồng). (Trong đó: Nợ gốc là: 17.776.690.071 đồng và nợ lãi là: 9.816.710.028 đồng tính đến ngày 06/05/2025).

Ông Phan Văn K, bà Lê Thị M tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/5/2025 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/8545677/HĐTD, lập ngày 08/11/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/2021/8545677/HĐTD, lập ngày 13/12/2021 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

2.2. Trường hợp ông Phan Văn K, bà Lê Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo thỏa thuận thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

+ Tàu đánh cá số đăng ký: TV-96012-TS, năm đóng: 2016; Nơi đóng: Vĩnh Long; Vật liệu vỏ: Thép theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 2960 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/10/2017 cho ông Phan Văn K và bà Lê Thị M; Vật tư, trang thiết bị và ngư lưới cụ thuộc sở hữu của ông Phan Văn K và bà Lê Thị M theo các hóa đơn bán hàng và hóa đơn GTGT. (Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 04/2016/8545677/HĐBĐ, lập ngày 08/11/2016; hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2017/8545677/HĐBĐ, lập ngày 25/12/2017).

+ Tàu đánh cá số đăng ký: TV-96004-TS; Loại tàu: Tàu cá; Công dụng: Khai thác thủy sản; Năm đóng: 1982; Nơi đóng: Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1754 do Chi cục thủy sản tỉnh T cấp ngày 20/12/2010 cho ông Phan Văn K và bà Lê Thị M. (Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2016/8545677/HĐBĐ, lập ngày 08/11/2016).

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 83, diện tích: 1.581,3m$^2$ đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận QSD đất QSHNO và TS khác gắn liền với đất số BQ125288 do UBND thành phố T cấp ngày 27/02/2014 cho ông Phan Văn K và bà Lê Thị M. (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 02/2016/8545677/HĐBĐ, lập ngày 08/11/2016).

2.3. Về chi phí tố tụng là 1.100.000 đồng: Đã chi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.100.000 đồng. Bị đơn bà Lê Thị M và ông Phan Văn K tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng). Do Ngân hàng TMCP Đ đã tạm ứng chi phí thẩm định, định giá trước, nên sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh thu số tiền từ ông K, bà M giao lại cho Ngân hàng TMCP Đ. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn dư là 3.800.000 đồng

(ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo phiếu thu ngày 06/01/2025 tại bộ phận thủ quỹ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh khi có quyết định của Tòa án.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên thỏa thuận thống nhất ông Phan Văn K, bà Lê Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 67.796.700 đồng (sáu mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.987.000 đồng (sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001016 ngày 06/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Huỳnh Kim Triều**